

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN NINH KIỀU  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 05 /2020/HNST

Ngày: 17/01/2020.

V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Xuân Ánh**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Hồ Thị Kim Luyến**

2. Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**

- Thư ký Tòa án: Bà **Phan Thị Ngọc Diệp** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

Ngày 17 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 624/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Ông Hoàng T**, sinh năm 1984. ( Có mặt)

Địa chỉ: 16/1B, Mậu Thân, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.

Bị đơn: Bà **Trương Ngọc H**, sinh năm 1988. ( Xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ đăng ký thường trú 16/1B, Mậu Thân, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.

Nơi cư trú: Ấp Phụng Sơn A, xã Tân Long, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn ông Ông Hoàng T cho rằng: Ông và bà Trương Ngọc H đã tiến đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 03/8/2006 tại Ủy ban nhân dân phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2018, ông bà xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã ly thân từ 2018 cho đến nay. Sau nhiều lần suy nghĩ và tìm mọi biện pháp để hàn gắn nhưng không đạt được kết quả. Nay ông xác định không thể hàn gắn với vợ là bà H nên có đơn yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung

1/. Cháu Ông Trương Bảo Trân ( Nữ), sinh ngày 21/12/2006.

2/. Cháu Ông Trương Hoàng Tín ( Nam), sinh ngày 19/8/2008.

Từ khi ly thân đến nay do ông đang trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn ông yêu cầu xin được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu bà Hững cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22/11/2019, bà Trương Ngọc H trình bày: Bà và ông Ông Hoàng T tiến tới hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 03/8/2006, tại UBND phường An Hòa, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Quá trình chung sống đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn gay gắt, nên đã ly thân từ tháng 10/2018 cho đến nay.

Nay qua yêu cầu xin ly hôn của ông Tuấn bà đồng ý ly hôn.

Về con chung có 02 con chung như ông Tuấn trình bày, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, ông Tuấn đang nuôi các cháu, khi ly hôn bà đồng ý để ông Tuấn tiếp tục nuôi con chung, bà không phải cấp dưỡng nuôi con, do ông Tuấn không có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Ông Hoàng T trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu như nêu trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Ông Hoàng T khởi kiện xin ly hôn với bà Trương Ngọc H nên tranh chấp giữa các đương sự là loại “Tranh chấp ly hôn” và bị đơn có nơi cư trú tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với bị đơn bà Trương Ngọc H xin xét xử vắng mặt. Nên căn cứ Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Hững theo quy định.

[3] Xét về yêu cầu xin ly hôn: Ông Ông Hoàng T và bà Trương Ngọc H bắt đầu chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn vào ngày 03/8/2006, nên được pháp luật công nhận ông, bà là vợ chồng. Quá trình chung sống theo ông Tuấn, bà Hững cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, dẫn đến phát sinh nhiều mâu thuẫn trong tình cảm, nên thường xuyên cãi vã và dẫn đến xin ly hôn.

Xét thấy với những mâu thuẫn của ông Tuấn, bà Hững dẫn đến yêu cầu xin ly hôn như ông, bà trình bày, thời gian cũng từ năm 2018 cho đến nay, nhưng ông, bà cũng không có biện pháp gì để hàn gắn lại. Tại bản tự khai ngày 22/11/2019 bà Hững trình bày cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông. Nên xét thấy mâu thuẫn của ông,

bà đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân này, thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do đó có căn cứ chấp nhận cho ông Tuấn và bà Hững được ly hôn với nhau.

**[4] Xét về yêu cầu nuôi con chung :**

Xét thấy, 02 chung từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay do ông Tuấn nuôi dưỡng, khi ly hôn ông Tuấn yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu bà Hững cấp dưỡng, tại bản tự khai bà Hững cũng đồng ý giao 02 con chung cho ông Tuấn nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu tại các bản tự khai. Do đó có căn cứ chấp nhận tiếp tục giao con các con chung cho ông Tuấn nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc ông Tuấn không yêu cầu bà Hững cấp dưỡng nuôi con.

**[5] Về tài sản chung, nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp, sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

**[6] Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm:** Nguyên đơn phải nộp án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Áp dụng:**

- Khoản 1 Điều 4; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên án:** Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Ông Hoàng T

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Ông Hoàng T được ly hôn với bà Trương Ngọc H.

- Về con chung: Có 02 con chung

1/. Cháu Ông Trương Bảo Trân ( Nữ), sinh ngày 21/12/2006.

2/. Cháu Ông Trương Hoàng Tín ( Nam), sinh ngày 19/8/2008.

Khi ly hôn giao cho ông Ông Hoàng T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Trương Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho bà Trương Ngọc H, không ai được quyền ngăn cản và có quyền xin thay đổi người nuôi con vì lợi ích của con.

- Về tài sản chung, nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm Hôn nhân và Gia đình : Ông Ông Hoàng T phải nộp **300.000** đồng (Ba trăm ngàn đồng), được chuyển từ tiền tạm ứng án phí mà ông Tuấn đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 001817, ngày 23/9/2019 thành án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**\* Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Q. Ninh Kiều;
- Chi cục THADS Q. Ninh Kiều;
- UBND Phường nơi ĐKKH
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa**

**BÙI XUÂN ÁNH**